

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2016/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2016

**THÔNG TƯ**

**BAN HÀNH DANH MỤC BỔ SUNG GIỐNG CÂY TRỒNG ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT,  
KINH DOANH Ở VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP, ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục bổ sung giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam bao gồm: 32 giống lúa, 14 giống ngô, 01 giống cao lương, 03 giống nải, 01 giống thuốc lá, 02 giống mía, 01 giống lạc tiên và 01 giống cà phê vối (Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2016.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Công báo Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Hải quan; Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN & PTNT;
- UBND tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Cục BVTV, Vụ PC - Bộ NN & PTNT;
- Sở NN và PTNT các tỉnh, Tp. Trục thuộc TW;
- Lưu: VT, TT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Quốc Doanh**

## DANH MỤC

**BỔ SUNG GIỐNG CÂY TRỒNG ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH Ở VIỆT NAM**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 28/2016/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

| TT | Tên giống                    | Mã hàng    | Vụ, vùng được phép sản xuất                                                                                                            |
|----|------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Giống lúa thuần DT45         | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, Hè thu và Mùa sớm tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                           |
| 2  | Giống lúa thuần Thiên ưu 8   | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, Hè thu và Mùa sớm tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung bộ |
| 3  | Giống lúa thuần ĐD2          | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, Hè thu và Mùa sớm tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                           |
| 4  | Giống lúa thuần OM5953       | 1006.10.10 | Các vụ tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long                                         |
| 5  | Giống lúa thuần VN121        | 1006.10.10 | Các vụ tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên và Đông Nam bộ                                                                  |
| 6  | Giống lúa thuần OM8017       | 1006.10.10 | Các vụ tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam bộ                                                                             |
| 7  | Giống lúa thuần TBR225       | 1006.10.10 | Vụ Đông xuân, Hè thu và vụ Mùa tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ và Duyên hải Nam Trung bộ  |
| 8  | Giống lúa nếp thơm Hưng Yên  | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, mùa sớm và mùa trung tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                        |
| 9  | Giống lúa thuần Hồng Đức 9   | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, Hè thu và Mùa sớm tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                           |
| 10 | Giống lúa thuần Hương Biển 3 | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, Mùa sớm tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                     |
| 11 | Giống lúa thuần DT39 Quế Lâm | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, Hè thu và Mùa sớm tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                           |
| 12 | Giống lúa nếp Cô Tiên        | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, Mùa sớm tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Hồng                                                   |
| 13 | Giống lúa thuần PĐ211        | 1006.10.10 | Vụ Xuân, vụ Mùa tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng; vụ Xuân tại các tỉnh Bắc Trung bộ                        |
| 14 | Giống lúa thuần HT18         | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, Hè thu và Mùa sớm tại các tỉnh                                                                                           |

|    |                                                      |            |                                                                                                                                                         |
|----|------------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                      |            | Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                                                                         |
| 15 | Giống lúa thuần HN6                                  | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, Hè thu và Mùa sớm tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                            |
| 16 | Giống lúa thuần N91                                  | 1006.10.10 | Các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Hồng                                                                                              |
| 17 | Giống lúa nếp NV1                                    | 1006.10.10 | Các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Hồng                                                                                              |
| 18 | Giống lúa Lộc trời 1                                 | 1006.10.10 | Các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam bộ                                                                                                         |
| 19 | Giống lúa lai ba dòng Kinh sở ưu 1588                | 1006.10.10 | Vụ Đông xuân, Hè thu và vụ Mùa tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                             |
| 20 | Giống lúa lai ba dòng HKT99                          | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn và Mùa sớm tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                                    |
| 21 | Giống lúa lai hai dòng Thanh ưu 4                    | 1006.10.10 | Vụ Đông xuân, Hè thu và Mùa sớm tại các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                                                        |
| 22 | Giống lúa lai ba dòng Thanh hương ưu 6 (Thanh Hoa 1) | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, Mùa sớm tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                                      |
| 23 | Giống lúa lai hai dòng Phúc ưu 868                   | 1006.10.10 | Vụ Xuân muộn, Mùa sớm tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                                      |
| 24 | Giống lúa lai hai dòng TH3-7                         | 1006.10.10 | Vụ Xuân tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                                                    |
| 25 | Giống lúa lai ba dòng Hương ưu 98                    | 1006.10.10 | Vụ Xuân tại các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                                                    |
| 26 | Giống lúa lai ba dòng TEJ VÀNG                       | 1006.10.10 | Vụ Đông xuân, Hè thu và vụ Mùa tại các tỉnh phía Bắc; vụ Đông xuân và Hè thu tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long |
| 27 | Giống lúa lai ba dòng Kim ưu 18                      | 1006.10.10 | Vụ Đông xuân, Hè thu và vụ Mùa tại các tỉnh phía Bắc, Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên                                                              |
| 28 | Giống ngô lai C.P. 111                               | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                                         |
| 29 | Giống ngô lai C.P. 501                               | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                                         |
| 30 | Giống ngô lai Pioneer brand P4296                    | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đông Nam bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung bộ, Trung du miền núi phía Bắc và vụ Xuân vùng Đồng bằng sông Hồng                            |

|    |                                     |            |                                                                                                                                         |
|----|-------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 31 | Giống ngô lai PSC-102               | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đồng bằng sông Hồng, Trung du Miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ, Đông Nam bộ và Tây Nguyên                         |
| 32 | Giống ngô lai PSC-747               | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đồng bằng sông Hồng, Trung du Miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ, Đông Nam bộ và Tây Nguyên                         |
| 33 | Giống ngô lai LVN152                | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đồng bằng sông Hồng, Trung du Miền núi phía Bắc và Bắc Trung bộ                                                  |
| 34 | Giống ngô lai NMH1242               | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đồng bằng sông Hồng, Trung du Miền núi phía Bắc và Bắc Trung bộ                                                  |
| 35 | Giống ngô nếp lai số 9              | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đồng bằng sông Hồng, Trung du Miền núi phía Bắc và Bắc Trung bộ                                                  |
| 36 | Giống ngô đường lai 20              | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đồng bằng sông Hồng và Trung du Miền núi phía Bắc                                                                |
| 37 | Giống ngô lai GS9989                | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đồng bằng sông Hồng, Trung du Miền núi phía Bắc và Bắc Trung bộ                                                  |
| 38 | Giống ngô lai SSC7830               | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                                                              |
| 39 | Giống ngô lai C.P.311               | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đồng bằng sông Hồng, Trung du Miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ, Đông Nam bộ và Tây Nguyên |
| 40 | Giống ngô lai C.P.511               | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đồng bằng sông Hồng, Trung du Miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ, Đông Nam bộ và Tây Nguyên |
| 41 | Giống ngô nếp lai Max one           | 1005.10.00 | Các vụ, vùng trồng ngô Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Nam Trung bộ                                                                    |
| 42 | Giống cao lương ESV1                | 1007.10.00 | Các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên và Đông Nam bộ                                           |
| 43 | Giống thuốc lá TL16                 | 1209.99.90 | Các tỉnh vùng miền núi phía Bắc                                                                                                         |
| 44 | Giống mía K95-156                   | 1212.93.10 | Các tỉnh vùng Nam Trung bộ, Đông Nam bộ và Tây Nam bộ                                                                                   |
| 45 | Giống mía Suphanburi 7              | 1212.93.10 | Các tỉnh vùng Nam Trung bộ và Tây Nam bộ                                                                                                |
| 46 | Giống lạc tiên LPH04 (Đài nông 1)   | 0602.90.90 | Các tỉnh vùng Tây Nguyên, vùng miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ                                                                          |
| 47 | Giống cà phê vối lai TRS1           | 0602.90.90 | Các tỉnh Tây Nguyên                                                                                                                     |
| 48 | Giống lúa lai ba dòng Hương ưu 3068 | 1006.10.10 | Các tỉnh trong cả nước                                                                                                                  |
| 49 | Giống lúa lai hai dòng TH7-2        | 1006.10.10 | Các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ                                                                |
| 50 | Giống lúa lai hai dòng HYT108       | 1006.10.10 | Các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ, Duyên hải                                                     |

|    |                             |            |                                                                          |
|----|-----------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|
|    |                             |            | Nam Trung bộ và Tây Nguyên                                               |
| 51 | Giống lúa thuần MĐ1         | 1006.10.10 | Các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc                                      |
| 52 | Giống lúa thuần P376        | 1006.10.10 | Các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ |
| 53 | Giống nầm sò chủng F        | 602.90.90  | Các tỉnh trong cả nước                                                   |
| 54 | Giống nầm Rơm V115          | 602.90.90  | Các tỉnh trong cả nước                                                   |
| 55 | Giống nầm Mộc nhĩ chủng Aul | 602.90.90  | Các tỉnh trong cả nước                                                   |